

# GÓC NHÌN CỦA HOA KỲ ĐỐI VỚI TRANH CHẤP LÃNH THỔ Ở BIỂN ĐÔNG

TS. Phạm Cao Cường  
Đại học Dầu khí

## Trước và sau Chiến tranh Lạnh

Trong nhận thức của các nhà hoạch định chính sách đối ngoại Mỹ, Biển Đông luôn chiếm một vị trí chiến lược quan trọng trong chiến lược của Hoa Kỳ đối với khu vực. Về lợi ích kinh tế, Biển Đông là nơi có tuyến đường vận tải biển nhộn nhịp nhất trên thế giới. Theo số liệu tính toán của năm 2001, mỗi năm có khoảng 41.000 chuyến tàu, tương đương 50% khối lượng vận tải biển của thế giới đi qua vùng biển này. Khoảng 80% lượng dầu nhập khẩu của Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan đều được vận chuyển qua khu vực Biển Đông. Ngoài ra, khu vực này cũng được cho là nơi có trữ lượng dầu khá lớn, nhất là tại khu vực thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam, khoảng 225 tỷ thùng. Về mặt chiến lược, khu vực này nằm trên tuyến đường biển quan trọng nối liền giữa Tây Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương và cũng là tuyến đường di chuyển của lực lượng hải quân Hoa Kỳ, đặc biệt là Hạm đội số 7. Hoa Kỳ có thể sử dụng khu vực này làm nơi trung chuyển và tác

chiến cho lực lượng không quân và hải quân đóng tại các căn cứ quân sự của mình tại châu Á, Ấn Độ Dương và khu vực vùng Vịnh.

Với vị trí chiến lược quan trọng như vậy, bất kỳ một sự gián đoạn nào của tuyến đường biển khu vực đều có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sự quan tâm của Hoa Kỳ đối với Biển Đông không chỉ vì vị trí địa chiến lược của nó mà còn là do những tranh chấp về lãnh thổ tại khu vực này, đặc biệt là những tranh chấp về chủ quyền xung quanh quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa của Việt Nam với những bên tuyên bố có chủ quyền còn lại như: Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và Đài Loan. Trong số các tranh chấp tại Biển Đông, tranh chấp lãnh thổ xung quanh quần đảo Trường Sa của Việt Nam đã thu hút sự quan tâm của Hoa Kỳ hơn cả vì nó liên quan tới Trung Quốc - nước được coi là sẽ tạo ra nhiều thách thức cho vị trí bá quyền của Hoa Kỳ trong tương lai. Hoa Kỳ lo ngại rằng, một khi Trung Quốc khống chế được tuyến đường

biển tại khu vực Biển Đông, nước này có thể ngăn cản sự tự do hàng hải tại khu vực, bao gồm cả tự do đi lại của các tàu chiến Hoa Kỳ. Điều này có thể đe dọa tới lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ và vị thế bá quyền của nước này tại Đông Nam Á. Trong suốt những năm 1980 của thế kỷ trước, Trung Quốc lợi dụng sự thiếu quan tâm của Hoa Kỳ đối với khu vực này đã mở rộng ảnh hưởng của mình ra Đông Nam Á, đặc biệt là những tham vọng về lãnh thổ tại khu vực Biển Đông. Trong số những bên tuyên bố có chủ quyền tại khu vực Biển Đông, tuyên bố về chủ quyền của Trung Quốc và các hoạt động của nước này tại khu vực là đáng quan ngại nhất. Năm 1974, Trung Quốc lợi dụng lúc chính quyền Sài Gòn sụp đổ đã chiếm quần đảo Hoàng Sa từ phía Việt Nam cộng hòa. Năm 1988, Trung Quốc dùng vũ lực chiếm một số đảo của Việt Nam. Cuộc chạm trán làm đắm 3 chiếc tàu của Việt Nam và khiến 72 sỹ quan Hải quân Việt Nam hy sinh<sup>1</sup>.

Mặc dù là nước có nhiều lợi ích tại khu vực Biển Đông, song cách tiếp cận của Hoa Kỳ đối với những tranh chấp ở khu vực này là duy trì sự tự do hàng hải trong khi giữ lập trường trung lập đối với các tranh chấp. Khi Trung Quốc chiếm đảo Hoàng Sa của Việt Nam năm 1974, Hoa Kỳ không phản đối vì lúc này

Washington coi Liên Xô là mối đe dọa tại khu vực trong khi cần Trung Quốc để làm đối trọng với Liên Xô. Chính vì thế, khi phản ứng về hành động của Trung Quốc, thông cáo của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ chỉ nhấn mạnh rằng: “Những tranh chấp tại khu vực Biển Đông là do các bên tuyên bố có chủ quyền tự giải quyết với nhau”.<sup>2</sup> Tuy nhiên, sau khi ảnh hưởng của Liên Xô tại Đông Nam Á suy yếu, Hoa Kỳ liền thay đổi lập trường đối với những tranh chấp tại Biển Đông, chuyển từ lập trường “trung lập thụ động” sang lập trường “trung lập tích cực” Quan điểm của Hoa Kỳ đối với những tranh chấp tại quần đảo Trường Sa được phản ánh trong tuyên bố của Đô đốc Charles Larson, Tổng tham mưu trưởng, Bộ chỉ huy quân sự Hoa Kỳ tại khu vực Thái Bình Dương, bao gồm:

1. Hoa Kỳ duy trì lập trường không cam kết vì không có lợi ích gì để Hoa Kỳ can thiệp;

2. Tranh chấp tại Biển Đông là vấn đề của khu vực và Hoa Kỳ không có kế hoạch đối phó để tới Trường Sa khi có xung đột xảy ra;

3. Tranh chấp này do các quốc gia có liên quan và các nhóm nước trong khu vực (như ASEAN) tự tìm ra giải pháp;

4. Hoa Kỳ mong muốn các bên tuyên bố chủ quyền giải quyết vấn đề thông qua các kênh chính trị thay vì các biện pháp quân sự;

5. Và nếu Trung Quốc và Việt Nam trở nên thù địch trong khi xác nhận những tuyên bố về chủ quyền của mình, Hoa Kỳ có thể phối hợp với ASEAN, Liên Xô và các quốc gia khác dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc nhằm đảm bảo rằng kẻ gây hấn phải tuân thủ theo thông lệ quốc tế.<sup>3</sup>

Bước sang những năm 90 của thế kỷ XX, lợi dụng khoảng trống về quyền lực tại khu vực sau khi Hoa Kỳ rút khỏi hai căn cứ Subic và Clark tại Philippines, Trung Quốc càng gia tăng các hoạt động của mình tại khu vực Biển Đông. Tháng 2/1992, Trung Quốc thông qua Luật vùng nước lãnh thổ, tuyên bố đòi chủ quyền toàn bộ khu vực Biển Đông, bao gồm quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Tháng 5/1992, Trung Quốc cho phép Tập đoàn dầu khí ngoài khơi Trung Quốc ký với Tập đoàn Năng lượng Cresstone một hợp đồng khai thác dầu khí tại khu vực thuộc vùng nước lãnh thổ của Việt Nam. Từ giữa năm 1994, Trung Quốc bắt đầu các hoạt động chiếm giữ đảo Vành Khăn (Mischief Reef) mà Philippines tuyên bố thuộc chủ quyền của họ. Tháng 1/1995, Trung Quốc bắt giữ một nhóm ngư dân Philippines trên bãi đá ngầm Vành Khăn, khoảng 750 km về phía Tây của Manila.<sup>4</sup> Tháng 2/1995, Trung Quốc cho xây dựng một kết cấu bê tông trên đảo Vành Khăn, khoảng

135 hải lý tính từ đảo Palawan của Philippines mà Manila tuyên bố có chủ quyền.

Việc Trung Quốc chiếm đảo Vành Khăn gây ra mối quan ngại từ các nước Đông Nam Á và làm dấy lên thuyết về “mối đe dọa Trung Quốc”. Năm 1995, Trung Quốc xuất bản tám bản đồ khẳng định vùng nước lãnh thổ của họ chiếm cả vùng đặc quyền kinh tế Natuna của Indonesia. Năm 1996, Trung Quốc thông qua Công ước LHQ về Luật biển nhưng sử dụng phương pháp đo lường dùng để bảo lưu cho các quốc gia quần đảo vốn không áp dụng cho Trung Quốc để tính toán vùng nước lãnh thổ. Hành động này bị Việt Nam và Philippines kịch liệt phản đối. Theo học giả Ang Cheng Guan, những hoạt động của Trung Quốc, tranh chấp tại quần đảo Trường Sa đã vượt qua khỏi tranh chấp giữa Việt Nam, Trung Quốc và trở thành vấn đề của ASEAN<sup>5</sup>

Nhìn chung, trong những năm 1990, lập trường của Hoa Kỳ đối với những tranh chấp ở Biển Đông không có gì khác so với thời kỳ trước đó cho dù Washington có sự quan tâm nhiều hơn theo hướng “trung lập tích cực” Về cơ bản, chính sách của Hoa Kỳ vẫn là đảm bảo sự tự do đi lại tại khu vực Biển Đông trong khi duy trì lập trường trung lập đối với tranh chấp tại quần đảo Trường Sa. Tháng 3/1992, Bộ trưởng Quốc

phòng Hoa Kỳ tuyên bố rằng, Hoa Kỳ không có cam kết cụ thể nào đối với Trường Sa và gợi ý khả năng ASEAN có thể phối hợp với Trung Quốc để giải quyết vấn đề. Đại sứ Hoa Kỳ tại Philippines, Frank Wisner thì tuyên bố rằng Hoa Kỳ phản đối việc sử dụng vũ lực để yểm trợ cho những tuyên bố về chủ quyền tại Trường Sa. Tuy nhiên, ông này cũng nhấn mạnh rằng: “Có những mức độ mà Hoa Kỳ có thể thực thi nếu như xung đột trên biển xảy ra” Theo Wisner: “Hoa Kỳ không muốn chứng kiến sự đối đầu tại khu vực Trường Sa có thể châm ngòi thành một điểm nóng của khu vực”<sup>6</sup>

Lập trường của Hoa Kỳ về xung đột Biển Đông cũng được phản ánh rõ nét hơn trong tuyên bố của Thứ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ, Robert Zoellick. Theo đó:

1. Hoa Kỳ sẽ không đưa những phán xét về tính pháp lý của những tuyên bố đòi chủ quyền;

2. Hoa Kỳ muốn đảm bảo sự tự do đi lại tại Biển Đông; và

3. Hoa Kỳ ủng hộ một giải pháp hòa bình để giải quyết các tranh chấp<sup>7</sup>.

Xét ở một mức độ nào đó, Chính quyền Clinton có cái nhìn thực tế hơn đối với những tranh chấp ở Biển Đông, tuy chưa có sự phản ứng rõ rệt. Những tranh chấp này được đặt trong bối cảnh của tình hình thế giới và khu vực sau Chiến tranh Lạnh mà trong đó Hoa Kỳ là siêu cường

duy nhất và Trung Quốc được cho là một cường quốc đang lên có thể tranh giành bá quyền của họ. Tuy nhiên, trong những năm 1990, Washington có xu hướng coi Trung Quốc là một “thách thức” hơn là một mối “đe dọa” Chính vì vậy mà thái độ của Hoa Kỳ đối với các hành động của Trung Quốc tại khu vực Biển Đông mới chỉ dừng ở mức ra tuyên bố chứ chưa có những hành động cụ thể. Tháng 2/1995, sau khi Trung Quốc chiếm giữ đảo Vành Khăn, Chính quyền Clinton phản ứng khá dè dặt và chỉ nhắc lại chính sách lâu dài của mình đối với Biển Đông. Thậm chí, Hoa Kỳ cũng không có hành động nào hỗ trợ Philippines, một đồng minh của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á vốn ràng buộc với Washington bởi Hiệp ước Phòng thủ chung Hoa Kỳ - Philippines ký năm 1951. Theo điều IV của Hiệp ước này: “Một cuộc tấn công vũ trang vào mỗi bên tham gia hiệp ước tại khu vực Thái Bình Dương sẽ là điều nguy hiểm đối với hòa bình và sự an toàn của mỗi bên, và cả hai tuyên bố sẽ hành động để đáp trả những mối nguy hiểm chung phù hợp với quy trình pháp lý của mỗi nước”. Trên cơ sở đó, ngày 10/5/1995, phát ngôn viên của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Christine Shelly, đưa ra tuyên bố bốn điểm nhấn mạnh rằng:

1. Hoa Kỳ quan ngại rằng các hành động và phản ứng đơn phương tại

Biển Đông đang làm gia tăng căng thẳng tại khu vực. Hoa Kỳ cực lực phản đối việc sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực để giải quyết những yêu sách về chủ quyền khác nhau và kêu gọi các bên tuyên bố có chủ quyền hết sức kiềm chế và tránh có những hành động gây mất ổn định.

2. Hoa Kỳ có lợi ích sống còn trong việc duy trì hòa bình và ổn định tại Biển Đông. Hoa Kỳ kêu gọi các bên tuyên bố chủ quyền tăng cường các nỗ lực ngoại giao để giải quyết những vấn đề liên quan tới những tuyên bố chủ quyền khác nhau, có tính đến lợi ích của các bên và góp phần vào mục tiêu hòa bình và ổn định tại khu vực. Hoa Kỳ sẵn sàng hỗ trợ bằng bất kỳ phương cách nào mà các bên tuyên bố có chủ quyền thấy hữu ích. Hoa Kỳ tái khẳng định sự ủng hộ cho Tuyên bố của ASEAN về Biển Đông năm 1992.

3. Bảo đảm sự tự do đi lại là lợi ích cơ bản của nước Mỹ. Sự tự do đi lại không bị cản trở là điều cần thiết cho hòa bình và thịnh vượng của toàn bộ khu vực châu Á - Thái Bình Dương, bao gồm cả Hoa Kỳ.

4. Hoa Kỳ không có lập trường về giá trị pháp lý đối với những tuyên bố chủ quyền khác nhau tại các đảo, bãi san hô, bãi ngầm và các mỏm đá ở Biển Đông. Tuy nhiên, Hoa Kỳ đặc biệt quan tâm tới những tuyên bố về lãnh hải hoặc những hành động làm hạn chế hoạt động hàng hải tại Biển

Đông không phù hợp với luật biển quốc tế, bao gồm cả Công ước về Luật biển của LHQ năm 1982".<sup>8</sup>

Có thể khẳng định, nhân tố Trung Quốc đóng vai trò rất quan trọng trong chính sách của Hoa Kỳ đối với những tranh chấp tại Biển Đông. Sự sụp đổ của Liên Xô và sự chấm dứt Chiến tranh Lạnh tạo ra những thay đổi trong hệ thống chính trị quốc tế khiến Chính quyền Clinton buộc phải thay đổi chính sách để thích nghi với tình hình mới. Trong con mắt của các nhà hoạch định chính sách đối ngoại Mỹ, sau Liên Xô, Trung Quốc trở thành một mối "đe dọa" thách thức vị trí bá quyền của Mỹ trên thế giới. Có nhiều yếu tố làm dấy lên thuyết về "mối đe dọa Trung Quốc" (China threat) ở phương Tây và đặc biệt nhất là ở Mỹ. Thứ nhất, đó là do Mỹ và Trung Quốc vẫn còn đối đầu về hệ tư tưởng; Thứ hai, do sức mạnh của nền kinh tế Trung Quốc; và thứ ba, do chương trình hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc. Trong ba nhân tố này, sự gia tăng ngân sách quốc phòng và hiện đại hóa quân đội "quá mức cần thiết" là mối quan tâm hàng đầu của Hoa Kỳ. Các nhà hoạch Mỹ lo ngại rằng, với chương trình quân sự này, Trung Quốc có thể tạo dựng được một tiềm lực quốc phòng vững mạnh, đủ khả năng răn đe và đối đầu với Mỹ tại các điểm nóng trong khu vực, từ đó làm suy yếu vai trò lãnh đạo và bá quyền của Mỹ.

Sau sự kiện Trung Quốc diễn tập quân sự và phóng tên lửa tại eo biển Đài Loan trước cuộc bầu cử Tổng thống Đài Loan năm 1996, Hoa Kỳ càng tỏ rõ sự quan ngại về những động thái của Trung Quốc tại khu vực. Với trọng tâm chính sách đối ngoại hướng từ Châu Âu sang châu Á, Hoa Kỳ coi sự ổn định của Đông Nam Á nói riêng và cả khu vực châu Á Thái Bình Dương nói chung có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược toàn cầu “dính líu và mở rộng” của mình. Chiến lược này (còn gọi là Học thuyết Clinton) nhấn mạnh rằng, Hoa Kỳ sẽ cam kết dính líu nhiều hơn đối với thế giới, đồng thời mở rộng các giá trị dân chủ, nhân quyền và mở cửa thị trường. Tại châu Á, Chính quyền Clinton có kế hoạch thành lập một “Cộng đồng Thái Bình Dương mới” nhằm tạo cho Hoa Kỳ có một vị thế vững chắc tại khu vực. Với chính sách này, Hoa Kỳ có thái độ rõ ràng hơn đối với những tranh chấp về lãnh thổ tại Biển Đông. Tháng 6/1995, trong chuyến thăm Tokyo, Nhật Bản, Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ về An ninh Quốc tế, Joseph Nye tuyên bố: “Nếu hành động quân sự xảy ra tại quần đảo Trường Sa và gây ảnh hưởng tới sự tự do hàng hải tại vùng biển này, Hoa Kỳ sẽ phải thực hiện việc hộ tống nhằm bảo đảm rằng việc đi lại

vẫn được tiếp tục”<sup>9</sup> Tháng 5/1996, tại Ủy ban Quan hệ Đối ngoại Hạ viện Mỹ, Trợ lý Ngoại trưởng Hoa Kỳ, Winston Lord, một lần nữa nhấn mạnh: “Hoa Kỳ lo ngại rằng những hành động và phản ứng đơn phương tại Biển Đông có thể làm gia tăng căng thẳng tại khu vực. Chúng tôi phản đối việc sử dụng và đe dọa sử dụng vũ lực để giải quyết những tuyên bố chủ quyền khác nhau và kêu gọi các bên tuyên bố chủ quyền thực hiện việc kiểm chế và tránh những hành động gây mất ổn định”<sup>10</sup>

Thực tế, trong giai đoạn 1996-2001, ngoài những cuộc gặp gỡ thảo luận giữa các bên về vấn đề tranh chấp, Trung Quốc là nước có nhiều hoạt động làm gia tăng căng thẳng tại khu vực Biển Đông. Ví dụ, tháng 3/1997, Trung Quốc đưa giàn khoan Kanto số 3, với sự giám sát của hai tàu hoa tiêu số 206 và 208, thực hiện việc khoan thăm dò khai thác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Từ cuối năm 1998 tới đầu năm 1999, Trung Quốc cho tiến hành sửa chữa và củng cố các khối bê tông đã xây dựng trên đảo Vành Khăn trước đó từ năm 1995. Các nguồn tin tình báo của Philippines cho biết, tại các khối bê tông này Trung Quốc cho trang bị các súng chống máy bay, có cả khu vực hạ cánh cho máy bay trực thăng và cho gắn các thiết bị truyền thông nối với

các vệ tinh của Trung Quốc<sup>11</sup> Sự kiện này khiến Manila phản ứng gay gắt. Trong khi đó, phía Trung Quốc lại cho rằng những cáo buộc từ quốc gia này là không có cơ sở vì Bắc Kinh đã thông báo cho phái đoàn của Philippines tại Bắc Kinh về kế hoạch sửa chữa “nơi tránh bão” của ngư dân<sup>12</sup> Tháng 1/1999, lực lượng tuần tra hải quân Philippines nổ súng cảnh cáo các tàu đánh cá của Trung Quốc đang neo đậu tại bãi cát ngầm Scarborough. Đáp lại, Trung Quốc quy kết Philippines đã sử dụng vũ lực tấn công các tàu đánh cá của họ, thậm chí còn quy kết họ là kẻ cướp tấn công ngư dân đang hoạt động tại khu vực. Tình hình càng trở nên căng thẳng khi vào tháng 5/2000, lực lượng tuần tra biển của Philippines bắn chết một ngư dân Trung Quốc tại khu vực tranh chấp về chủ quyền Scarborough<sup>13</sup>

Sau sự kiện Vịnh Khẩn 1998, chính sách của Hoa Kỳ đối với những tranh chấp ở Biển Đông vẫn chưa có sự thay đổi đáng kể ngoài việc kêu gọi Trung Quốc kiềm chế. Tháng 1/1999, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ kêu gọi Trung Quốc “tránh những hành động làm gia tăng căng thẳng tại khu vực”<sup>14</sup>, đồng thời cho biết, Mỹ đang theo dõi sát sao mọi diễn biến tại khu vực Biển Đông. Cũng trong tháng 1/1999, Mỹ đề xuất cuộc họp sáu bên có tuyên bố chủ quyền tại quần đảo Trường Sa trong nỗ lực giảm bớt tình trạng căng

thẳng.<sup>15</sup> Đề xuất này nhận được sự ủng hộ từ phía Philippines, nhưng lại bị Trung Quốc và Malaysia cực lực phản đối<sup>16</sup> Việt Nam khi đó cũng bày tỏ sự phản đối vì cho rằng những cuộc thảo luận đó sẽ tạo thêm nhiều pháp lý cho yêu sách và hành động của Trung Quốc<sup>17</sup> Tháng 4/1999, Tham mưu trưởng các chiến dịch Hải quân Hoa Kỳ, Đô đốc Jay Johnson tuyên bố, Hoa Kỳ đang theo dõi sát sao tình hình tại Biển Đông và bày tỏ hy vọng rằng các bên tranh chấp có thể giải quyết bằng biện pháp hòa bình. Johnson nhấn tới mạnh tầm quan trọng của việc duy trì sự tự do lưu thông của các tuyến đường biển tại đây bởi có tới 90% thương mại thế giới đi qua khu vực này.<sup>18</sup> Tháng 10/1999, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ William Cohen nhắc lại lập trường của Mỹ yêu cầu các bên tranh chấp phải giải quyết tranh chấp thông qua hòa bình.<sup>19</sup> Hoa Kỳ ủng hộ việc giải quyết này thông qua các hoạt động của ASEAN như Kênh I và Kênh II và tán thành ủng hộ Tuyên bố về Biển Đông của ASEAN, đồng thời phản đối bất kỳ yêu sách nào không phù hợp với luật quốc tế, bao gồm Công ước của LHQ về Luật biển năm 1982.

### **Dưới thời Chính quyền George W. Bush**

Dưới thời Chính quyền của Tổng thống George W. Bush (2001-2008), chính sách của Hoa Kỳ đối với

những tranh chấp về lãnh thổ tại Biển Đông không có sự thay đổi căn bản. Lập trường của Chính quyền Bush đối với những tranh chấp tại khu vực Biển Đông vẫn giống như lập trường của chính quyền tiền nhiệm Bill Clinton, đó là: không đưa ra những phán xét về tính pháp lý của những tuyên bố đòi chủ quyền; đảm bảo sự tự do đi lại tại Biển Đông và ủng hộ một giải pháp hòa bình để giải quyết các tranh chấp. Đối với Hoa Kỳ, những tranh chấp tại khu vực Biển Đông vẫn là một trong những điểm nóng có thể ảnh hưởng tới các lợi ích của Mỹ. Theo Đô đốc Dennis C. Blair, Tư lệnh hạm đội Mỹ tại khu vực châu Á Thái Bình Dương thì: “ngoài quần đảo Kuril và Senkaku, Hoa Kỳ coi những tuyên bố chủ quyền tại quần đảo Trường Sa tại Biển Đông là một thách thức đối với an ninh và hòa bình tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương”<sup>20</sup>

Sau vụ va chạm giữa một chiếc máy bay do thám EP-3 của Mỹ với máy bay phản lực chiến đấu F-8 của Trung Quốc tại khu vực Biển Đông dẫn tới viên phi công của Trung Quốc thiệt mạng và 24 thành viên phi hành đoàn của Mỹ bị bắt giữ trong vòng 11 ngày vào tháng 4/2001, không ít các quan chức trong Chính quyền W. Bush và trong Quốc hội Hoa Kỳ bày tỏ sự lo ngại về tự do hàng hải và hàng không của Mỹ tại

khu vực Biển Đông có thể bị cản trở và yêu cầu chính quyền Bush cần có sự can thiệp. Trước đó vào tháng 3/2001, Trung Quốc tuyên bố sẽ cho xây dựng một công trình trên mỏm đá thuộc vùng tranh chấp Scarborough tại khu vực Biển Đông mà Philippines tuyên bố có chủ quyền. Để ngăn chặn hành động này, Manila đã cử ngay một tàu chiến tới khu vực tranh chấp như một lời cảnh cáo với phía Trung Quốc. Cố vấn An ninh quốc gia của Philippines, Roilo Golez tuyên bố rằng, Manila quan ngại về sự hiện diện ngày càng tăng của các tàu thuyền Trung Quốc xung quanh bãi đá ngầm Scarborough, cách đảo chính Luzon của Philippines khoảng 210 dặm<sup>21</sup>.

Một hành động khác của Trung Quốc khiến tình trạng tranh chấp trở nên căng thẳng là việc nước này vẽ đường cơ sở bao quanh quần đảo Hoàng Sa mà Trung Quốc chiếm của Việt Nam từ năm 1974. Với hành động này, Trung Quốc đơn phương xóa bỏ vùng nước bao quanh khỏi cơ chế tự do hàng hải và tự do hàng không. Không ít các học giả cho rằng, Trung Quốc cũng sẽ áp dụng chính sách tương tự đối với các quần đảo Trường Sa và vùng phía nam vốn có liên quan tới 6 tuyên bố đòi chủ quyền, bao gồm: Việt Nam, Đài Loan, Philippines, Malaysia và Brunei. Tương tự như vậy, Trung



Quốc tuyên bố vùng lãnh hải rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở của đảo Hoàng Sa của Việt Nam và nhấn mạnh rằng các tàu chiến nước ngoài hoặc các máy bay quân sự không được đi vào khu vực này nếu không có sự cho phép của Trung Quốc. Sau khi xảy ra vụ va chạm hồi tháng 4/2001, Trung Quốc khẳng định rằng nước này có quyền không cho máy bay do thám và các tàu của Mỹ vào vùng đặc quyền kinh tế của Trung Quốc vốn kéo dài 200 hải lý tính từ bờ biển<sup>22</sup>

Trong suốt tiến trình đàm phán và cả sau khi đã ký Tuyên bố về cách ứng xử của các bên tại Biển Đông (DOC) vào ngày 4/12/2002, trong đó kêu gọi các bên kiềm chế trong các hoạt động của mình, Trung Quốc vẫn tiếp tục mở rộng hoạt động của mình tại khu vực Biển Đông và khiến các nước láng giềng thêm lo ngại. Ví dụ, trong năm 2002, Trung Quốc áp đặt lệnh cấm đánh bắt cá tại khu vực Biển Đông từ ngày 1/6 cho tới ngày 1/8. Điều này đã nhận được sự phản đối của các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Tương tự như vậy, Việt Nam phản đối việc Trung Quốc áp đặt lệnh cấm đánh bắt cá để tiến hành các hoạt động thăm dò tại vùng biển bao gồm cả vùng thềm lục địa của Việt Nam<sup>23</sup> Cảng thẳng tại khu vực Biển Đông có nguy cơ gia tăng sau khi Đài Loan tiến hành xây

dựng khu vực đài “quan sát chim” trên bãi Bàn Than vào ngày 23/4/2004. Hành động này bị Việt Nam cực lực phản đối. Tháng 1/2005, các tàu Trung Quốc đã bắn chết 9 ngư dân Việt Nam và làm bị thương những người khác, đồng thời phá hủy nghiêm trọng tài sản và các thiết bị đánh cá của họ<sup>24</sup> Việt Nam sau đó đã quy kết các tàu làm nhiệm vụ của Trung Quốc tại khu vực đánh cá chung đã sát hại và làm bị thương các ngư dân của Việt Nam. Hành động này hoàn toàn vi phạm Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác về nghề cá giữa Việt Nam và Trung Quốc<sup>25</sup>

Liên tiếp trong tháng 4/2004, Trung Quốc quyết định tiến hành khoan thăm dò tại vùng Biển Đông. Tới tháng 9/2004, Trung Quốc ký với Philippines thỏa thuận thăm dò địa chấn tại khu vực Biển Đông để tìm kiếm trữ lượng dầu tại khu vực quần đảo Trường Sa. Với hiệp định này, Trung Quốc đã gia tăng sự hiện diện của mình tại Biển Đông, đặc biệt là tại các khu vực có tranh chấp. Dưới sức ép của Trung Quốc, hai công ty dầu lớn nhất thế giới là Exxon Mobil của Mỹ và BP của Anh đã phải hủy bỏ kế hoạch thăm dò dầu khí đã lên kế hoạch từ trước với Tập đoàn dầu khí PetroVietnam của Việt Nam ở vùng biển ngoài khơi Việt Nam. Tới năm 2007, BP cũng đã ngừng các kế hoạch tiến hành thăm dò tại các khu

vực phía Nam của Việt Nam vì những căng thẳng về lãnh thổ<sup>26</sup>. Tháng 7/2007, các tàu tuần tra của Trung Quốc đã bắn vào một tàu đánh cá của Việt Nam và giết chết một thủy thủ. Tháng 8/2007, Trung Quốc thông báo kế hoạch tổ chức các chương trình du lịch tới đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Kế hoạch này bị Việt Nam phản đối gay gắt bởi nó vi phạm chủ quyền của Việt Nam. Tới tháng 11/2007, Việt Nam phản đối các cuộc diễn tập quân sự của Trung Quốc tại đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Theo Phát ngôn viên của Bộ Ngoại giao Việt Nam, ông Lê Dũng: “Cuộc diễn tập quân sự của Trung Quốc tại quần đảo Hoàng Sa là một sự vi phạm chủ quyền của Việt Nam”<sup>27</sup>. Tháng 12/2007, Hội đồng Nhà nước Trung Quốc thông qua kế hoạch thành lập thành phố San Sha trên đảo Hải Nam để quản lý ba đảo, bao gồm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Điều này đã bị phía Việt Nam phản đối kịch liệt<sup>28</sup>.

Có thể nói, Trung Quốc đã lợi dụng việc Hoa Kỳ đang bận bịu với “cuộc chiến chống khủng bố” để tranh thủ mở rộng ảnh hưởng của mình tại Biển Đông bằng mọi giá. Hành động này khiến không ít các quốc gia trong khu vực lo ngại về “mối đe dọa” từ Trung Quốc vốn đã tồn tại trong suốt những năm 1990. Theo đánh giá của nhà báo

Jonathan Manthope: “Các hành động của Trung Quốc là một sự quay trở lại đối với chính sách xác nhận chủ quyền lãnh thổ hung hăng tại khu vực Biển Đông sau một thập kỷ hợp tác phát triển với các quốc gia ven biển có nguồn dự trữ dầu mỏ dưới đáy biển”<sup>29</sup>. Còn theo đánh giá của học giả Mark J. Valencia: “Trung Quốc quyết tâm củng cố đường biên giới và kiểm soát các khu vực tuyên bố chủ quyền của mình như là một phần trong nỗ lực tái thiết một nước “đại Trung Quốc” và vai trò lịch sử của nó như là một cường quốc thống trị tại châu Á” Cũng theo Valencia, để bảo vệ mình trước các mối đe dọa, Trung Quốc muốn thành lập một phạm vi ảnh hưởng mang tính phòng vệ tại các vùng biển bao quanh và khởi xướng một chiến dịch gây hấn để tìm kiếm và phát triển các loại vũ khí thông thường và tiềm lực cho phép nước này có thể giành quyền kiểm soát đối với tất cả các hòn đảo, thậm chí toàn bộ vùng Biển Đông<sup>30</sup>.

Khi đánh giá sức mạnh quân sự của Trung Quốc và các hoạt động của nước này tại Biển Đông, một báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ công bố năm 2002 đã nhận xét rằng, trong suốt bốn năm qua, Trung Quốc lắp đặt các thiết bị viễn thông trên một số hòn đảo đã chiếm giữ và cho tổ chức một đơn vị quân sự để tiến hành việc do thám cũng như cho

tiến hành các cuộc tập trận quân sự quy mô lớn tại khu vực tranh chấp. Báo cáo cũng nói rằng, Bắc Kinh đã sử dụng chiến thuật đàm phán nhằm khiến cho chính phủ các quốc gia láng giềng nuôi hy vọng về một sự thỏa hiệp mang tính hòa bình trong khi quân đội Trung Quốc tiếp tục xây dựng các “pháo đài” vĩnh cửu trên đảo Trường Sa<sup>31</sup>. Cũng theo báo cáo này, Trung Quốc được cho là đã lắp đặt các trạm truyền thông trên ba bãi đá ngầm tại khu vực Trường Sa dùng để truyền tín hiệu tới các tàu tuần tiểu quân sự của Trung Quốc và kết nối với bộ chỉ huy mặt đất đóng tại Bộ chỉ huy Hạm đội Nam Hải của Trung Quốc tại Trạm Giang, tỉnh Quảng Đông. Trước đó vào tháng 5/2000, Trung Quốc thành lập “Lực lượng kiểm soát hàng hải biển Nam Hải” nhằm bảo vệ những tuyên bố chủ quyền và tìm kiếm nguồn thủy hải sản tại Biển Đông. Trong năm 2001, Trung Quốc đã đóng từ 20-24 tàu hải quân có gắn súng 30mm dùng để tuần tra vùng Biển Đông. Ngoài ra, Trung Quốc còn tiến hành các cuộc tập trận quân sự tại khu vực từ phía Nam đảo Hải Nam tới quần đảo Hoàng Sa mà Trung Quốc chiếm từ phía Việt Nam<sup>32</sup>. Một báo cáo của Lầu Năm Góc công bố hồi tháng 3/2008 cũng tiết lộ rằng, đảo Hải Nam đang được sử dụng để làm căn cứ tàu ngầm, phục vụ cho các chiến lược lâu dài của nước này.

Không giống với các thời kỳ trước, khi Mỹ chỉ bày tỏ quan điểm chính thống về tranh chấp tại Biển Đông, Chính quyền W. Bush đã có những hành động cụ thể hơn để “kiềm chế” Trung Quốc. Chính sách của Mỹ đối với Biển Đông được đặt trong tổng thể chính sách của Hoa Kỳ đối với toàn bộ khu vực Đông Nam Á và rộng hơn là khu vực châu Á Thái Bình Dương mà trong đó Hoa Kỳ coi Trung Quốc là một “đối thủ tiềm tàng” có thể đe dọa vai trò trống rỗng của Mỹ tại khu vực. Dưới thời Tổng thống Bush, Đông Nam Á được coi như là “mặt trận thứ hai” trong cuộc chiến chống khủng bố do Hoa Kỳ phát động. Dưới chiêu bài chống khủng bố và vũ khí hủy diệt hàng loạt, Hoa Kỳ tìm cách tăng cường mối quan hệ với Đông Nam Á cả song phương và đa phương để kiềm chế sự ảnh hưởng của Trung Quốc. Ở tầm khu vực, Hoa Kỳ tăng cường quan hệ với tổ chức khu vực như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và tích cực tham gia vào Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). Về mặt song phương, Hoa Kỳ tăng cường mối quan hệ an ninh, quốc phòng với các nước Thái Lan, Philippines, Singapore, Indonesia và Malaysia thông qua các chương trình viện trợ quân sự, tập trận chung và các sáng kiến chống khủng bố. Trong bối cảnh đó, cả Philippines lẫn Thái Lan đều được Mỹ ban cho quy chế “đồng minh

chủ chốt của Mỹ ngoài khối NATO” Chiến lược mà Hoa Kỳ áp dụng tại khu vực Đông Nam Á được nhìn nhận như là chiến lược rào giậu (hedging) với mục đích kiểm soát sự nổi lên của Trung Quốc và tìm cách gây ảnh hưởng tới hành vi của Bắc Kinh. Trong năm 2008, Hoa Kỳ công bố “chiến lược phòng thủ quốc gia” trong đó nhấn mạnh tới sự cần thiết phải chống lại sức mạnh và tầm ảnh hưởng ngày càng lên của Trung Quốc. Chiến lược đặc biệt tuyên bố rằng: “Chiến lược của Hoa Kỳ là tìm cách khuyến khích Trung Quốc đưa ra những lựa chọn chiến lược đúng đắn cho nhân dân nước họ trong khi chúng ta bao vây chống lại những khả năng khác có thể xảy ra”<sup>33</sup> Với ý đồ chiến lược như vậy, hiển nhiên là Hoa Kỳ cũng tìm cách hạn chế những tham vọng của Trung Quốc tại Biển Đông khi mà sự tự do hàng hải được coi là lợi ích cơ bản của nước Mỹ.

### **Dưới thời Chính quyền Barack Obama**

Bước sang thời chính quyền của Tổng thống Barack Obama, quan điểm của Hoa Kỳ đối với những tranh chấp tại Biển Đông mang tính khẳng định hơn. Sự quan tâm của Mỹ đối với các vấn đề tại khu vực Biển Đông không chỉ là do sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ mà còn do sự thay đổi tình hình an ninh tại khu vực, đặc biệt là sự

mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc. Sự quan tâm của chính quyền Mỹ đối với Đông Nam Á được coi là một điểm nhấn khác biệt giữa Chính quyền Obama so với chính quyền tiền nhiệm. Trong chuyến thăm Đông Nam Á để tham dự diễn đàn ARF vào tháng 7/2009, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton tuyên bố rằng, bà hy vọng: “Chính quyền Obama sẽ cho thấy rằng, Hoa Kỳ đã quay trở lại” Một số những động thái của Chính quyền Obama cho thấy lời khẳng định của Ngoại trưởng Mỹ Hillary là có cơ sở. Cụ thể, tháng 7/2009, Hoa Kỳ đã ký với ASEAN Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác điều mà các quốc gia trong khu vực mong muốn suốt hơn hai thập kỷ qua. Không như người tiền nhiệm, Obama là vị tổng thống đầu tiên tổ chức cuộc gặp với tất cả 10 nhà lãnh đạo ASEAN vào tháng 11/2009 khi ông tới Singapore để tham dự Hội nghị các nhà lãnh đạo APEC. Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng là quốc gia đầu tiên bổ nhiệm một vị đại sứ Mỹ tại ASEAN có trụ sở tại Jakarta, Indonesia và tham gia đầy đủ vào các phiên họp của Hội nghị Đông Á. Tất cả những diễn tiến này cho thấy, Hoa Kỳ đang thể hiện sự quan tâm ngày càng lớn đối với Đông Nam Á.

Trong khi đó, vấn đề Biển Đông vẫn được coi là một trong những điểm nóng tại khu vực có tác động trực tiếp tới lợi ích chiến lược của

Mỹ. Các hành động của Trung Quốc tại khu vực trong thời gian đầu của Chính quyền Obama làm dấy lên những nghi ngại về cách ứng xử của Trung Quốc cũng như ý đồ thực sự của nước này trong những tranh chấp về lãnh thổ tại Biển Đông. Không lâu sau khi lên nắm quyền, Chính quyền Obama đã vấp phải vụ thử thách đầu tiên đối với Trung Quốc. Tháng 3/2009, tàu USNS Impeccable đã bị một số tàu của Trung Quốc “quấy nhiễu” khi được cho là đang hoạt động trên vùng biển quốc tế tại khu vực Biển Đông mà phía Trung Quốc cho là thuộc chủ quyền của họ. Các tàu của Trung Quốc đã tìm cách ngăn cản tàu USNS Impeccable có gắn thiết bị phát hiện tàu ngầm và tìm cách tiếp cận chiếc tàu này của Mỹ ở một khoảng cách rất nguy hiểm. Các tàu của Trung Quốc yêu cầu chiếc tàu của Mỹ rút đi nếu không sẽ phải gánh chịu hậu quả.

Tương tự như vậy, tháng 6/2009, không trực hạm USS John S. McCain đang trên hải trình tại khu vực Biển Đông thì bị một tàu ngầm của Trung Quốc va phải thiết bị định vị tàu ngầm. Theo các quan chức Mỹ, thông qua những hành động này, có vẻ như Trung Quốc muốn bày tỏ ý định thống trị và kiểm soát toàn bộ khu vực Biển Đông<sup>34</sup> Trước đó, vào tháng 4/2009, Trung Quốc tiến hành cuộc tập trận

quân sự quy mô lớn gần các đảo ngoài khơi chiến lược của Nhật Bản tạo ra tình trạng căng thẳng với các quốc gia láng giềng. Các cuộc tập trận của hải quân, có sự tham gia của các không trực hạm, các tàu chiến cùng các máy bay chiến đấu khiến cả Mỹ, Nhật Bản và Đài Loan lo ngại. Cuộc tập trận được coi là sự biểu dương sức mạnh cùng sự tinh nhuệ của quân đội Trung Quốc sau khi nước này tiến hành chương trình hiện đại hóa quân đội.

Để mở rộng phạm vi kiểm soát của mình tại những vùng tranh chấp ở Biển Đông, tháng 4/2010, Trung Quốc cho triển khai các tàu tại vùng biển Nam Hải và Biển Đông. Tại khu vực Biển Đông, Trung Quốc cử hai tàu tuần tra của Cục quản lý nghề cá của Trung Quốc vốn được cải tiến từ các tàu quân sự để thực hiện việc hộ tống các tàu đánh bắt cá của ngư dân Trung Quốc tại khu vực quần đảo Trường Sa. Thực chất, mục đích của hành động này là nhằm tăng cường sự hiện diện về mặt quân sự của Trung Quốc tại khu vực tranh chấp và đó cũng là một lời cảnh báo với các bên tranh chấp. Ngoài việc cử tàu tuần tra tới các khu vực tranh chấp, Trung Quốc còn đơn phương ban bố lệnh cấm đánh bắt cá tại Biển Đông, vi phạm nghiêm trọng tới chủ quyền của các quốc gia khác trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Không những

thế, Trung Quốc còn gia tăng các hoạt động bắt giữ trái phép tàu thuyền đánh cá của Việt Nam để đòi “tiền chuộc” Theo tính toán, trong năm 2009, Trung Quốc bắt hoặc thu giữ 33 tàu đánh cá của Việt Nam và khoảng 433 thuyền viên<sup>35</sup>. Những hành động của Trung Quốc đối với ngư dân Việt Nam đã làm cho Hoa Kỳ quan ngại. Mối quan ngại này được bày tỏ rõ ràng trong phát biểu của Trợ lý Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ đặc trách về các vấn đề của Đông Á và Thái Bình Dương David B. Shear trong buổi điều trần trước ủy ban đánh giá về mối quan hệ an ninh và kinh tế giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc vào ngày 4/2/2010<sup>36</sup>. Ý đồ và hành động của Trung Quốc tại Biển Đông càng khiến cho các nước, nhất là Hoa Kỳ trở nên quan ngại hơn khi vào tháng 3/2010, một số quan chức Trung Quốc tuyên bố những tranh chấp tại Biển Đông là “lợi ích cốt lõi” của mình và đặt nó ngang hàng với vấn đề Đài Loan và Tây Tạng. Sau tuyên bố này, không ít các nước trong khu vực bày tỏ sự lo ngại và nhận định rằng Trung Quốc có thể sẽ sử dụng vũ lực để giải quyết các tranh chấp về lãnh thổ. Hành động này là nhắm tới mục đích kiểm soát toàn bộ khu vực Biển Đông một điều mà Hoa Kỳ phản đối vì không phù hợp với lợi ích của họ.

Bước sang năm 2011, mức độ và tỷ lệ các hành động của Trung Quốc

càng gia tăng có nguy cơ gây bất ổn tại khu vực. Ngày 3/3/2011, hai tàu hải giám của Trung Quốc quấy nhiễu tàu du lịch MV Veritas của Philippines gần bãi cỏ rong (Reed Bank) ở phía tây của đảo Palawan và buộc tàu này rút lui<sup>37</sup>. Ngày 26/5, các tàu hải giám Trung Quốc cố tình cắt cáp kết nối với thiết bị tham dò khảo sát của tàu Bình Minh 02 của Việt Nam đang hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Ngày 9/6, tàu đánh cá khác của Trung Quốc có sự hộ tống của hai tàu hải giám đã cắt cáp của tàu Viking 2 khi đang khảo sát trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Ngoài việc gia tăng hành động “quấy nhiễu” các tàu đánh cá của các nước khác, Trung Quốc còn tăng cường lệnh cấm đánh bắt cá đơn phương tại khu vực phía bắc của Biển Đông (thực hiện từ ngày 16/5 tới 1/8/2011) và tiến hành bắt giữ hàng chục chiếc tàu đánh cá của Việt Nam. Ngoài ra, trong nỗ lực tăng cường tuyên bố tài phán về đánh bắt cá ở vùng phía nam, các tàu của hải quân và hải giám Trung Quốc được cho là đã bắn cảnh cáo vào các tàu đánh cá của Philippines gần bãi Jackson vào ngày 25/2 và các tàu của Việt Nam vào ngày 1/6<sup>38</sup>.

So với Chính quyền Clinton và Bush, những tranh chấp về lãnh thổ tại Biển Đông đã được Chính quyền Obama và Quốc hội Mỹ quan tâm

nhiều hơn. Sự thay đổi này là do Chính quyền Obama muốn “quay trở lại Đông Nam Á”, coi Đông Nam Á là nơi có tầm quan trọng trong chiến lược của mình đối với khu vực. Sự quan tâm của Mỹ đối với tình hình Biển Đông được thể hiện rõ trong các phiên điều trần của Quốc hội Mỹ mà ở đó các nghị sỹ yêu cầu Chính quyền Obama phải có những biện pháp cứng rắn hơn: “Đã tới lúc Mỹ cần phải có lập trường cứng rắn chống lại sự quấy nhiễu của Trung Quốc trước khi những hành động này leo thang có thể trở thành cuộc đối đầu thù địch”<sup>39</sup> Trong phiên điều trần của mình, Thượng Nghị sỹ Jim Webb đưa ra những đánh giá về vai trò của Trung Quốc trong những tranh chấp lãnh thổ tại châu Á khi những tranh chấp này có tác động trực tiếp tới khu vực và lợi ích của Hoa Kỳ. Theo Jim Webb: “những tranh chấp này tác động rất lớn tới các quốc gia thứ ba tại khu vực”. Webb nhấn mạnh rằng chỉ có duy nhất Hoa Kỳ mới có đủ sức mạnh quốc gia và cả tầm cỡ quốc tế để có thể đối phó với sự mất cân bằng quyền lực mà Trung Quốc đã tạo ra. Chính vì vậy, nước Mỹ phải có nghĩa vụ thực hiện như vậy nhằm duy trì một sự cân bằng địa chiến lược tại khu vực và nhằm đảm bảo một sự công bằng cho tất cả các quốc gia tại châu Á, bảo vệ tiếng nói của tất cả

các quốc gia muốn tìm kiếm một giải pháp hòa bình cho các tranh chấp của họ. Sự tham gia của Hoa Kỳ vào những tranh chấp này sẽ có tác động tới việc các quốc gia khác nhận thức về những mối đe dọa trong khu vực và những cách thức mà họ có thể lựa chọn để bảo vệ lợi ích của mình<sup>40</sup>

Sau khi Trung Quốc lên tiếng yêu cầu công ty dầu Exxon Mobil của Mỹ ngừng hợp tác với phía Việt Nam nếu không sẽ phải gánh chịu những hậu quả nghiêm trọng khi làm ăn với Trung Quốc, các quan chức Mỹ đã phản đối kịch liệt hành động này vì nó gây thiệt hại tới các lợi ích của Mỹ. Phát biểu trước Quốc hội Mỹ, Scot Marceil, Trợ lý Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ đặc trách về châu Á tuyên bố: “Chúng tôi phản đối bất kỳ nỗ lực nào đe dọa các công ty của Mỹ. Chúng tôi trực tiếp bày tỏ sự quan ngại của mình đối với Trung Quốc. Những tranh chấp về chủ quyền giữa các quốc gia không nên giải quyết bằng cách gây sức ép lên các công ty vốn không phải là một bên tranh chấp. Chúng tôi kêu gọi các bên tuyên bố chủ quyền hãy kiềm chế và tránh có những hành động hung hăng để giải quyết những tuyên bố chủ quyền gây tranh cãi”<sup>41</sup>

Tại Hội nghị đối thoại Shangri-La tổ chức tại Singapore hồi tháng 6/2010, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates đã bày tỏ mối quan ngại về những tranh chấp chủ quyền

ngày càng tăng tại khu vực Biển Đông và tác động mà nó có thể gây ra đối với hoạt động kinh tế: “Biển Đông là vấn đề ngày càng quan ngại. Vùng biển này không chỉ quan trọng đối với các quốc gia có đường biên giới sát nó mà còn quan trọng đối với tất cả các quốc gia có lợi ích về kinh tế và an ninh tại châu Á”<sup>42</sup> Theo ông Gates, Hoa Kỳ cần phải duy trì “sự ổn định, tự do hàng hải, sự tự do và phát triển kinh tế không bị cản trở” tại vùng biển này, và chống lại “bất kỳ nỗ lực nào muốn đe dọa các công ty của Mỹ hoặc các công ty của bất kỳ quốc gia nào đang tham gia vào các hoạt động kinh tế hợp pháp” Tuy nhiên, ông Gates cũng nhấn mạnh rằng: “Hoa Kỳ sẽ không đứng về phía nào trong những tuyên bố đòi chủ quyền” và kêu gọi các bên “hợp tác để giải quyết những bất đồng thông qua các nỗ lực hòa bình, đa phương” Như để trấn an các quốc gia khác, Robert Gates khẳng định, Hoa Kỳ vẫn cam kết “duy trì một sự hiện diện về quân sự đủ mạnh tại châu Á, một lực lượng duy trì sự ổn định bằng việc ủng hộ và tái khẳng định với các đồng minh, trong khi ngăn chặn, và nếu cần thiết, đánh bại những đối thủ tiềm tàng”<sup>43</sup>. Ngoài ra, Hải quân Hoa Kỳ cũng sẽ tăng số chuyến thăm các cảng biển, cam kết về hải quân và các bài tập huấn luyện tại

châu Á nhằm “giúp xây dựng năng lực cho đối tác để giải quyết những thách thức khu vực”.

Do những tranh chấp tại Biển Đông có liên quan tới nhiều quốc gia, quan điểm của Hoa Kỳ là muốn thảo luận vấn đề này trong một khuôn khổ đa phương của diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF). Quan điểm này được Đại sứ Mỹ tại Philippines, Harry Thomas cho biết trong cuộc phỏng vấn với Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược. Theo Thomas: “Hoa Kỳ đang thảo luận vấn đề Biển Đông với các quốc gia thành viên của ASEAN. Vấn đề Biển Đông phải là vấn đề của cả nhóm các nước ASEAN chứ không phải chỉ là một hay hai quốc gia”<sup>44</sup> Về phần mình, Trung Quốc phản đối cách tiếp cận này vì Bắc Kinh coi những tranh chấp về lãnh thổ là vấn đề song phương giữa Trung Quốc với các nước thành viên ASEAN. Thực chất, Bắc Kinh sợ rằng việc thảo luận vấn đề Biển Đông ở các diễn đàn đa phương sẽ không giúp Trung Quốc có nhiều thắng thế, nhất là khi có sự can thiệp của Mỹ và gây bất lợi cho nước này. Chính vì thế, Trung Quốc phản đối việc “quốc tế hóa” vấn đề Biển Đông, trong khi Trung Quốc có thể sử dụng “quyền lực mềm” và thậm chí là sức mạnh quân sự để khiến các quốc gia khác phải nhượng bộ.

Chính các hoạt động của Trung Quốc cũng như cách hành xử theo



kiểu “nước lớn” của Trung Quốc tại Biển Đông đã khiến cho tình hình trở nên căng thẳng. Một khi tính minh bạch trong chương trình hiện đại hóa quân đội chưa rõ ràng và một khi những nghi ngờ về ý định độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc chưa bị xóa bỏ thì không chỉ có các quốc gia Đông Nam Á mà cả Mỹ cũng cảm thấy lo ngại. Các hành động của Trung Quốc tại Biển Đông trong thời gian qua đã khiến Hoa Kỳ buộc phải có lập trường cứng rắn hơn. Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton khi tham dự diễn đàn ARF tại Việt Nam hồi tháng 7/2010 cũng phải lên tiếng cảnh báo rằng, Washington lo ngại những tuyên bố đòi chủ quyền gây tranh cãi tại khu quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa gây trở ngại cho thương mại hàng hải, cản trở việc đi vào các vùng nước quốc tế tại khu vực và làm xói mòn Công ước của Liên Hiệp Quốc về biển. Theo bà Hillary Clinton, sự tự do đi lại tại Biển Đông là “lợi ích quốc gia” và là “ưu tiên ngoại giao” của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ ủng hộ tiến trình ngoại giao hợp tác giữa các bên tuyên bố chủ quyền trong việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ không bị ép buộc. “Chúng tôi (Hoa Kỳ) phản đối việc sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực bởi bất kỳ bên nào” Ngoại trưởng Mỹ cũng tuyên bố, Hoa Kỳ sẵn sàng hợp tác với các bên, bao gồm Trung Quốc, Việt

Nam, Đài Loan, Malaysia, Brunei, và Philippines nhằm giúp đàm phán chấm dứt tranh chấp<sup>45</sup>

Theo một số chuyên gia quốc tế, việc Trung Quốc gia tăng các hành động của mình tại Biển Đông có bốn lý do. *Thứ nhất*, Trung Quốc coi mình là một bên bị hại khi lập luận rằng, trong khi nước này tuân thủ các nguyên tắc cơ bản chính của DOC, một số nước khác lại thường xuyên vi phạm thỏa thuận thông qua các hành động đơn phương như ủng hộ các hoạt động thăm dò khí đốt. *Thứ hai*, việc hiện đại hóa hải quân Trung Quốc, cùng với việc mở rộng của lực lượng tàu hải giám (CMS), càng giúp cho Bắc Kinh có được công cụ để gây sức ép đối với nước tuyên bố chủ quyền còn lại. *Thứ ba*, sau những tuyên bố bày tỏ quan ngại của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates và Ngoại trưởng Hillary Clinton vào năm 2010 liên quan tới những căng thẳng gia tăng tại Biển Đông, Bắc Kinh có thể muốn thử quan điểm và cách giải quyết của Mỹ. *Cuối cùng*, trong cuộc chạy đua thay đổi bộ máy lãnh đạo Trung Quốc vào năm 2012 không một nhà lãnh đạo nào của Trung Quốc muốn thể hiện sự yếu kém trong vấn đề chủ quyền vốn cực kỳ nhạy cảm và Quân giải phóng Trung Quốc (PLA) có thể chớp lấy cơ hội này để gây sức ép trong nước về vấn đề Biển Đông.

Giới chức quân sự Mỹ cho tới thời điểm hiện tại cũng đã thể hiện quan điểm rõ ràng về những thách thức tại Biển Đông. Viên chức cao cấp nhất trong lực lượng quân sự Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương, Đô đốc Robert Willard thẳng thắn nhận xét rằng, các chương trình hiện đại hóa quân đội “gây hấn” dường như là để “thách thức sự tự do hành động của Mỹ tại khu vực, và nếu cần thiết, là để tăng cường ảnh hưởng của Trung Quốc lên các nước láng giềng”<sup>46</sup>. Tháng 7/2010, một quan chức quân sự cao cấp nhất khác của Hoa Kỳ, Đô đốc Mike Mullins cảnh báo rằng, “Trung Quốc dường như thể hiện sự quyết liệt lớn hơn đối với những tuyên bố về lãnh thổ tại các hòn đảo như Trường Sa” và theo ông, Bắc Kinh đã áp dụng “cách tiếp cận quá hiếu chiến” đối với vấn đề<sup>47</sup>. Đối với Hoa Kỳ, sự tự do đi lại là một nguyên tắc bất khả xâm phạm kể từ khi giành độc lập. Báo cáo về đường lối hoạt động của Hải quân (*Naval Operations Concept 2010*) đã chỉ rõ: “Là một quốc gia ven biển, Hoa Kỳ phụ thuộc vào biển về cả an ninh quốc gia lẫn thịnh vượng kinh tế” và “sự an toàn cùng các lợi ích kinh tế của Hoa Kỳ, các đồng minh và đối tác của Hoa Kỳ phụ thuộc nhiều vào nguồn thương mại và mậu dịch không bị ngắt trở đi qua các vùng biển của thế giới”. Biển, do vậy, tạo cho hải quân Mỹ “khoảng không di

chuyển” cần thiết để bảo vệ lợi ích quốc gia<sup>48</sup>.

Cho dù những lý do biện hộ cho hành động của Trung Quốc tại Biển Đông có thể nào đi chăng nữa, chắc chắn những hành động này buộc Hoa Kỳ phải có những hành động để đối phó, đặc biệt là việc Hoa Kỳ tăng cường sự hiện diện của mình tại châu Á và tại những nơi có khả năng xảy ra xung đột. Vào tháng 2/2010, Hoa Kỳ tham gia vào cuộc tập trận Hồ mang vàng lần thứ 29 tổ chức tại Thái Lan với sự tham gia của Singapore, Nhật Bản, Indoneisa, Hàn Quốc cùng 15 quốc gia thành viên quan sát viên khác. Cũng trong tháng 2, tàu *USS Partriot* cập cảng Sihanoukville để tiến hành cuộc tập trận huấn luyện với hải quân Campuchia. Đầu tháng 6/2011, một tàu ngầm hạt nhân của Mỹ đã tham gia vào các cuộc tập trận Sẵn sàng ứng phó trên biển (CARAT) với hải quân Malaysia lần đầu tiên trong lịch sử 17 năm của chương trình này. Cuối tháng 6/2011, lực lượng của Hoa Kỳ và Philippines đã tiến hành tập trận CARAT đã được lên kế hoạch từ trước ở ngoài khơi đảo Palawan. Trong tháng 7, các báo cáo cho biết hải quân Việt Nam đã tham gia vào các cuộc trao đổi kỹ năng kiểu như CARAT với quân sự Mỹ<sup>49</sup>. Nhìn chung, những hoạt động như thế này đã làm tăng cường sự hiện diện của Mỹ tại Đông Nam Á và tái

khẳng định được vai trò và vị thế của mình tại khu vực.

### Kết luận

Như vậy có thể thấy, kể từ sau Chiến tranh Lạnh những tranh chấp tại khu vực Biển Đông vẫn tồn tại như một trong những điểm nóng gây bất ổn định tại khu vực. Những tranh chấp này ngày càng trở thành vấn đề quan tâm của Mỹ vì Biển Đông không chỉ là nơi có vị trí địa chiến lược quan trọng mà còn là nơi cạnh tranh giành ảnh hưởng giữa Mỹ và Trung Quốc. Cùng với sự thay đổi môi trường chiến lược, lập trường của Mỹ đối với những tranh chấp tại Biển Đông cũng thay đổi theo từ “trung lập thụ động” sang “trung lập tích cực” rồi chuyển sang dính líu nhiều hơn. Sự can dự ngày càng lớn của Mỹ trong vấn đề Biển Đông là kết quả của nhiều yếu tố, nhưng trong đó cần phải nhấn mạnh là do các hoạt động của Trung Quốc cũng như cách hành xử của nước này đối với các bên tranh chấp. Trong khi những “minh bạch” trong chương trình hiện đại hóa quân đội và chi phí cho ngân sách quốc phòng còn chưa rõ ràng, việc Trung Quốc gia tăng sự hiện diện của mình tại Biển Đông thông qua việc khẳng định ngày càng mạnh mẽ những tuyên bố chủ quyền tại các khu vực tranh chấp, bất chấp đã tham gia Tuyên bố về quy tắc ứng xử Biển

Đông năm 2002, không chỉ khiến cho các nước Đông Nam Á mà cả Hoa Kỳ cũng lo ngại. Cần phải nhấn mạnh rằng, chính những hành động của Trung Quốc tại Biển Đông trong những năm 1990 đã góp phần làm dấy lên “mối đe dọa Trung Quốc” từ các nước láng giềng.

Xét trên khía cạnh khác, tình hình Biển Đông có sự tác động của không nhỏ của quan hệ Mỹ - Trung. Cả hai quốc gia này đều nhìn nhau với ánh mắt nghi ngờ, giữa một bên là siêu cường đang giữ vai trò lãnh đạo thế giới và bên kia là một cường quốc đang nổi lên thách thức vị trí thống trị đó. Việc Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng tại Biển Đông không chỉ nhằm mục đích hạn chế vai trò và ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực mà còn ngăn cản các ý đồ bao vây Trung Quốc của Washington. Nếu như trong những năm 1990, lợi dụng Mỹ rút lui khỏi hai căn cứ quân sự tại Philippines và tạo ra một khoảng trống quyền lực tại Đông Nam Á, ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực đã tăng lên một cách đáng kể. Tuy nhiên, dưới thời của Chính quyền Bush, thông qua cuộc chiến chống khủng bố, Hoa Kỳ đã từng bước khôi phục ảnh hưởng của mình tại khu vực. Một mặt, Hoa Kỳ tìm cách thắt chặt mối quan hệ với các đồng minh truyền thống, mặt khác ra sức mở rộng các quan hệ quân sự với các thành viên khác của

ASEAN. Sự xuất hiện của Mỹ tại khu vực Biển Đông, thông qua các cuộc tập trận quân sự, do vậy cũng tăng lên và làm cho Trung Quốc không khỏi nghi ngờ về ý đồ chiến lược của Mỹ.

Ở một mức độ nào đó, tranh chấp tại khu vực Biển Đông đã trở thành vấn đề mang tính quốc tế của cả ASEAN chứ không phải là vấn đề riêng giữa Trung Quốc với các nước thành viên. Ngoài ra, nó còn chịu ảnh hưởng về xung đột quyền lực của các nước lớn. Chính vì vậy, việc giải quyết các vấn đề tranh chấp tại khu vực Biển Đông không nên chỉ giải quyết qua con đường song phương mà dựa vào cả cơ chế đa phương, có tuân thủ Luật pháp và Công pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước về Luật biển của LHQ. Việc giải quyết tranh chấp cần phải có sự thiện chí của tất cả các bên mà ở đây lớn nhất là Trung Quốc. Việc Trung Quốc đơn phương hành động, đi ngược lại với lợi ích của các bên liên quan sẽ chỉ dẫn tới phản ứng ngược, thậm chí bị cô lập và dẫn tới sự can dự ngày càng lớn của Hoa Kỳ, một cường quốc vốn đang duy trì vai trò lãnh đạo không chỉ ở Đông Nam Á nói riêng mà ở cả khu vực châu Á Thái Bình Dương nói chung.

Để giải quyết tốt vấn đề Biển Đông, các nước thành viên ASEAN cũng cần có thái độ nhất quán, đoàn

kết, có một tiếng nói chung trong việc kêu gọi Trung Quốc kiềm chế và đưa ra các giải pháp thích hợp để giải quyết vấn đề thông qua hòa bình. Một sự chia rẽ trong ASEAN sẽ làm cho tiếng nói của tổ chức này yếu đi, đặc biệt trong việc giành quyền quyết định những vấn đề lớn tại khu vực. Việt Nam nên tranh thủ các cơ chế, diễn đàn hợp tác của ASEAN như ARF để khẳng định tính chính nghĩa trong những tuyên bố chủ quyền lãnh thổ của mình tại Biển Đông, đồng thời kêu gọi các nước trong ASEAN và đối tác của tổ chức này đưa ra những sáng kiến, trao đổi giúp xây dựng lòng tin trong tiến trình đi tới một giải pháp hợp lý cho vấn đề tranh chấp. Việt Nam cũng nên tham gia nhiều hơn trong các cuộc thảo luận, trao đổi về tình hình an ninh, hay tập trận chung đa phương và song phương tại khu vực giúp tăng cường sự hiểu biết cũng như để duy trì hòa bình và ổn định tại khu vực ■

#### Chú thích:

- 1) Michael G. Gallagher, "China's Illusory Threat to the South China Sea," *International Security* 19, no. 1 (Summer 1994): 172.
- 2) Michael Morrow, "Today Hsisha, Tomorrow...?," *Far Eastern Economic Review*, January 28, 1974.
- 3) "US Will Not Interfere in Spratly Conflict," *Straits Times*, 23 October 1991.
- 4) "Chinese Navy Detains Filipino Fishermen in Spratlys: Report," *Agence France-Presse*, 24 Jan 1995.

- 5) Ang Cheng Guan, "The South China Sea Disputed Revisited," *Australian Journal of International Affairs* 54, no. 2 (2000): 205.
- 6) "US Has to Help if Navy is Attacked in Spratlys, say Manglapus," *Straits Times*, 14 March 1992 and "Work with China on Spratlys Row, US urges ASEAN," *Straits Times*, 28 March 1992.
- 7) B.A. Hamzah, "China's Strategy," *Far Eastern Economic Review*, 13 August 1992, 22.
- 8) Christine Shelly, "US Policy on Spratly Islands and South China Sea," *Daily Press Briefing*, the US Department of State, May 10, 1995.
- 9) B. Raman, "The South China Sea and the Spy Plane Incident" <http://www.subcontinent.com/sapra/research/military/military20010403a.html> (truy cập ngày 23/10/2007).
- 10) Winston Lord, "Southeast Asia Regional Security Issues Opportunities for Peace, Stability, and Prosperity," Statement of Ambassador Winston Lord, Assistant Secretary of State, Bureau of East Asian and Pacific Affairs, before the House International Relations Committee, Asia and Pacific Subcommittee, US Department of State, May 30, 1996.
- 11) David G. Wiencek, "South China Sea Flashpoint," *China Brief* 2, no. 1, July 24, 2001.
- 12) Memo on Spratlys Mission Delayed," *South China Morning Post*, November 10, 1998.
- 13) "RP Navy 'Sinks' Sino Fishing Boat," *Philippine Daily Inquirer*, 25 May 2000.
- 14) Mark J. Valencia and Daojiong Zha, "Mischief Reef: Geopolitics and Implications," *Journal of Contemporary Asia* 31, No. 1 (2001): 90.
- 15) "US Wants a Meeting of Spratlys Claimants," *AFP*, 12 January, 1999.
- 16) "Malaysian Leader Rejects US Intervention in Spratlys Row," *AFP*, 15 January 1999; "China Says Dispute Over Spratlys an Asian Affair, US Should Keep Out," *AP*, 7 January 1999.
- 17) "Vietnam Deeply Worried by China's Presence in Mischief Reef," *AFP*, 18 January 1999.
- 18) "Exercises with Asian Allies 'To Continue'," *The Straits Times*, 7 April 1999.
- 19) "Philippines Broadcaster GMA-7," *British Broadcasting Corporation (BBC)*, 3 October 1999.
- 20) Dennis C. Blair, "Defense Appropriations," Statement of Admiral Dennis C. Blair, US Navy Commander in Chief, US Pacific Command before the Senate Appropriations Subcommittee on Defense on Pacific Issues, 28 March 2001.
- 21) Michael Richardson, "Beijing is Shifting Security Concerns from Land to Maritime Areas," *International Herald Tribune*, 12 April 2001.
- 22) Mark J. Valencia, "Tension in the South China Sea," *Far Eastern Economic Review*, 19 April 2001.
- 23) Answers by Vietnam MOFA's Spokeswoman Phan Thuy Thanh to Journalists on 31 May 2002.
- 24) "China Requested to Deal with the Consequences of the Attack on Vietnamese Fishermen by Chinese Vessels," Vietnam's Ministry of Foreign Affairs, 16 January 2005, [http://www.mofa.gov.vn/en/tt\\_baochi/pbfnf/ns050120170205](http://www.mofa.gov.vn/en/tt_baochi/pbfnf/ns050120170205) (truy cập ngày 16/2/2009).
- 25) "China Requested to Deal with the Consequences of the Attack on Vietnamese Fishermen by Chinese Vessels," Vietnam's Ministry of Foreign Affairs, 16 January 2005, [http://www.mofa.gov.vn/en/tt\\_baochi/pbfnf/ns050120170205](http://www.mofa.gov.vn/en/tt_baochi/pbfnf/ns050120170205) (truy cập ngày 16/2/2009).
- 26) Michael Richardson, "Titsans vie for East Asia's oil and gas," *The Jakarta Post*, 1 August 2008.
- 27) "China's Military Exercises in the Hoang Sa archipelago is a violation of Vietnam's Sovereignty," Statement of Vietnam Ministry of Foreign Affairs' Spokesman, [http://www.mofa.gov.vn/en/tt\\_baochi/pbfnf/ns071126152905](http://www.mofa.gov.vn/en/tt_baochi/pbfnf/ns071126152905) (truy cập ngày 24/2/2009).
- 28) "Vietnam Objects to China's Establishment of San Sha City on the Hainan Island," Ministry of Foreign Affairs' Spokesman, Mr. Le Dzung, Answers Questions on 3<sup>rd</sup> December 2007, Vietnam Ministry of Foreign Affairs, [http://www.mofa.gov.vn/en/tt\\_baochi/pbfnf/ns071204135539](http://www.mofa.gov.vn/en/tt_baochi/pbfnf/ns071204135539) (truy cập ngày 24/2/2009).
- 29) Jonathan Manthorpe, "China is Rolling Up its Sleeves and Showing Off," *Vancouver Sun*, 21 December 2007.
- 30) Mark J. Valencia, "South China Sea Beijing's Buffer? Regime Fearful of

- Encirclement by the US and Asian Neighbors," *The Washington Times*, 24 August 2001.
- 31) Jim Gomez, "Report: China Building Up Claims," *AP Online*, 16 July 2002.
- 32) Jim Gomez, "Report: China Building Up Claims," *AP Online*, 16 July 2002.
- 33) *National Defense Strategy* (Washington, D.C.: US Department of Defense, June 2008), 9.
- 34) "Statement before US-China Economic and Security Review Commission Hearing: China's Activities in Southeast Asia and Implications for US Interests," *States News Service*, 4 February 2010.
- 35) "China seizes Vietnamese fishing boat," *Trend News Agency (Azerbaijan)*, 19 April 2010.
- 36) "China's activities in Southeast Asia and the implications for US interests," Hearing before the US-China economic and security review commission, one hundred eleventh congress, second session, February 4, 2010.
- 37) Ian Storey, "China and the Philippines: Implications of the Reed Bank Incident", *China Brief*, Volume XI, Issue 8 (May 6, 2011).
- 38) "China fired at Filipino fishermen in Jackson atoll", *abs-cbsnews.com*, June 3, 2011; "Territorial Hissings", *The Irrawaddy*, June 6, 2011.
- 39) "House of Representatives: An end to Chinese Hostilities," *Congressional Record*, Volume 156, Issue 111, 111 Congress Second Session.
- 40) "Hearing of the East Asian and Pacific Affairs Subcommittee of the Senate Foreign Relations Committee," *Federal News Service*, 15 July 2009.
- 41) "US 'concerned' on China-Vietnam sea tensions," *Agence France Presse*, 16 July 2009.
- 42) "US concerned over impact of South China Sea disputes," *Reuters News*, 5 June 2010.
- 43) First Plenary Session - Dr Robert Gates, The Shangri-La Dialogue, Singapore, Friday 03 June 2011.
- 44) Pia Lee-Brago, "China's intentions must be transparent," *The Philippine Star*, 6 June 2010.
- 45) "Clinton claims US interest in resolving territorial disputes in South China Sea disputes," *Associated Press Newswires*, "How US ambushed China in its backyard, and what happens next," *South China Morning Post*, 25 July 2010; "War of words heats up with US over South China Sea disputes," *South China Morning Post*, 29 July 2010.
- 46) "China's 'aggressive' buildup called worry", *The Washington Times*, 14 January 2010.
- 47) "China 'more aggressive' at sea", *Straits Times*, 24 July 2010.
- 48) US Department of Defense, *Naval Operations Concept 2010 Implementing the Maritime Strategy* (Washington D.C.: US Department of Defense, 2010), p. 35.
- 49) "Submarine participation the highlight of 17<sup>th</sup> US-Malaysia CARAT exercise", Commander Task Force 73 Public Affairs, June 8, 2011; "Philippines, US to hold war games", *The Philippine Star*, June 12, 2011; "Vietnam, US to hold naval exercises", *South China Morning Post*, June 14, 2011.